HÀNH TRÌNH TIẾP NHẬN CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ TÌM RA CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG THỊ XUÂN HƯƠNG - ĐÀO THU HUYỀN*

Ngày nhận: 31/12/2021
Ngày phản biện: 20/01/2022
Ngày duyệt đăng: 15/02/2022

Tóm tắt: Cách đây hơn 100 năm, ngày 5 tháng 6 năm 1911, với khát vọng giành lại độc lập cho dân tộc Việt Nam, người thanh niên Nguyễn Tất Thành, sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã ra đi tìm đường cứu nước. Sau 30 năm bôn ba, Người về nước trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giải phóng dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Khát vọng ấy cũng dẫn dắt toàn thể dân tộc Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giải phóng nước nhà khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc, qua đó giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng một xã hội tốt đẹp, một cuộc sống no ấm cho nhân dân Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc; chủ nghĩa Mác - Lênin; con đường cứu nước.

THE WAY OF ACCESSING MARXISM-LENINISM AND FIND THE WAY TO SAVE THE COUNTRY BY NGUYEN AI QUOC - HO CHI MINH

Summary: More than 100 years ago, on June 5, 1911, with the desire to regain independence for the Vietnamese people, the young man Nguyen Tat Thanh, who later became President Ho Chi Minh, went to find a way to save the country. After 30 years of wandering, he returned to directly lead the revolutionary cause, made the August Revolution in 1945, national liberation, establishing the Democratic Republic of Vietnam - the first democratic state of workers and peasants in Southeast Asia. That aspiration also leads the entire Vietnamese people to overcome all difficulties and challenges, liberate the country from the slavery of the colonialists and imperialists, thereby liberating classes, liberating society, liberating people, and building a good society and a prosperous life for the Vietnamese people.

Keywords: Ho Chi Minh President; national independence; Marxism-Leninism; the way to save the country.

1. Từ truyền thống yêu nước đến khát vọng độc lập dân tộc

Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã tạo dựng, hun đúc lên một hệ thống các giá trị văn hoá mang sắc thái dân tộc bền vững. Trong những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam thì tinh thần yêu nước Việt Nam là truyền thống tốt đẹp nhất, là dòng chủ lưu xuyên suốt lịch sử dân tộc, là nhân tố hàng đầu trong bảng giá trị tinh thần Việt Nam, là sức mạnh, là lẽ sống, niềm tự hào và là đạo lý làm người của con người Việt Nam, như có lần Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong gia đình nhà Nho yêu nước, ngay từ trong giáo dục của gia đình, sự ảnh hưởng của những người thân, tinh thần yêu nước của dân tộc đã thấm sâu vào Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khi còn nhỏ. Đồng thời, tinh thần yêu nước đó là động lực thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước, vượt qua mọi khó khăn trong hành trình tìm đường cứu nước và chi phối mọi suy nghĩ và hành động của Người trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng. Cũng chính từ lòng yêu nước, thương dân đã đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin một cách tự nhiên. Nhờ tinh thần yêu nước, nhân dân ta nói chung, Hồ Chí Minh nói riêng đã vượt qua mọi khó khăn, có tinh thần đấu tranh

* *Trường Đại học Công đoàn*

[1] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.38

anh dũng, bất khuất vì độc lập, tự do của Tổ quốc, nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền độc lập dân tộc phải gắn với tự do, hạnh phúc cho mọi người dân. Theo Người, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để đi tới thực hiện quyền tự do, hạnh phúc của nhân dân và tự do, hạnh phúc của nhân dân chính là tiêu chí căn cốt, thước đo giá trị của độc lập dân tộc. Khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về độc lập, tự do, hạnh phúc đã trở thành nguồn động lực, sức mạnh vô cùng to lớn thúc đẩy nhân dân Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Trọn cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nỗ lực phấn đấu, hy sinh vì những mục tiêu, giá trị cao cả của dân tộc và nhân loại, trong đó đặc biệt là khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc. Khát vọng của Người, tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người tiếp tục soi đường, chỉ lối để "toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhất định sẽ lập lên thành tựu phát triển mới vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ta.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn tiếp thu khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc: Từ thời đại của các nhà nước Văn Lang và Âu Lạc, tổ tiên người Việt khi đó đã biểu đạt và gửi gắm những khát vọng của mình thông qua các câu truyện truyền thuyết. Đó là ý thức cùng chung nguồn cội, cố kết cộng đồng (Đẻ đất, đẻ nước; Lạc Long Quân - Âu Cơ), khát vọng chinh phục và làm chủ thiên nhiên (Sơn Tinh - Thủy Tinh), đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm (Thánh Gióng, Cao Lỗ...).

Dưới thời Bắc thuộc, dân tộc Việt Nam vẫn không ngừng nuôi dưỡng khát vọng và nung nấu ý chí độc lập, tự do. Trong đó, khát vọng, khí phách của Bà Triệu: "Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràng kình ở Bể Đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta"[2].

Trải qua các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, nền độc lập, tự chủ, sự thống nhất đất nước ngày càng được củng cố thêm, đặc biệt là từ sau khi triều Lý thành lập và quyết định dời kinh đô từ Hoa Lư về thành Đại La (năm 1010), trong "Chiếu dời đô" của Lý Công Uẩn đã thể hiện khát vọng xây dựng một đất nước phồn thịnh, với sự trị vì của các đế vương muôn đời. Cơ đồ và vận thế đất nước ngày càng vững bền là cơ sở để dân tộc Việt Nam bảo vệ nền độc lập, tự chủ của mình trên một tầm cao mới, đó là "Nam quốc sơn hà Nam Đế cư"[3], "Non sông ngàn thuở vững âu vàng"[4]. Từ sau thắng lợi vĩ đại của các cuộc chiến tranh chống kẻ thù ngoại xâm: quân Tống, Mông Nguyên, Minh, cơ đồ, vị thế của Đại Việt ngày càng được củng cố và phát triển, bờ cõi ngày càng được mở rộng về phía Nam, kéo theo các cộng đồng dân cư khác hội nhập bền vững, hòa bình vào cộng đồng dân tộc Việt Nam, dân tộc ta luôn khát vọng trở thành một quốc gia cường thịnh và sự thật vào thế kỷ XVIII, Việt Nam đã trở thành một cường quốc khu vực Đông Nam Á.

Năm 1884 do sự bất lực của triều đình nhà Nguyễn với việc ký kết hiệp định Pa-tơ-nốt, Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập, thống nhất có chủ quyền bị thực dân Pháp xâm lược và biến thành thuộc địa, nửa phong kiến. Sau Điều ước Pa-tơ-nốt (1884), Việt Nam trở thành "một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác"[5]. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và chế độ thuộc địa ngày một gay gắt, trở thành mâu thuẫn vừa cơ bản, vừa chủ yếu. Bên cạnh đó, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ càng gay gắt. Đây là trở lực lớn, kìm hãm sự phát triển của xã hội Việt Nam. Chỉ có giải quyết thành công những mâu thuẫn trên đây - đồng nghĩa tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, thì xã hội Việt Nam mới tiếp tục phát triển.

Các nhà yêu nước đương thời đã vạch ra nhiều con đường cũng như cách thức hành động khác nhau để cứu nước và giải phóng dân tộc với mục tiêu chung là bảo vệ, khôi phục nền độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất quốc gia, chấn hưng đất nước như phong trào Cần Vương trong hệ tư tưởng phong kiến cuối thế kỷ XIX, qua các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy Tân theo xu hướng tư sản đầu thế kỷ XX, đến cuộc khởi nghĩa Yên Thế, phong trào chống thuế ở Trung Kỳ mang tính chất quần chúng sâu sắc... Tuy nhiên, tất cả các các phong trào yêu nước trên đều đi đến thất bại. Cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Một yêu cầu khách quan, cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc này là phải tìm được con đường giải phóng dân tộc đúng đắn,

---

[2] Lời nói của Bà Triệu được chép trong sách *"Thanh Hóa kỷ thắng"* của Vương Duy Trinh vào thế kỷ XIX, sau đó được lưu truyền trong dân gian.

[3] *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.279.

[4] *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.62.

[5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, tr.401.

phù hợp với xu thế phát triển của thời đại để mở đường cho dân tộc Việt Nam phát triển đi lên.

Trong cảnh nước nhà bị nô dịch, lầm than, người thanh niên trẻ Nguyễn Tất Thành đã sớm thức tỉnh, đau đáu nỗi niềm cứu nước, cứu dân. Mặc dù rất khâm phục lòng yêu nước và đánh giá cao những cống hiến của các bậc cách mạng tiền bối cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhưng bằng dự cảm chính trị thiên tài, Nguyễn Tất Thành đã nhận thấy những hạn chế của các nhà yêu nước đương thời nên khó đi đến thành công. Người quyết định đi tìm con đường cứu nước mới.

Khác hẳn với các nhà yêu nước tiền bối, Người đã chọn hướng con đường cứu nước của mình sang phương Tây với bến đỗ đầu tiên trong hành trình là nước Pháp. Người muốn tìm hiểu sự thật đằng sau khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái", xem người ta làm thế nào rồi trở về giúp đồng bào mình. Người cho rằng: "Muốn đánh hổ thì phải vào hang hổ!". Mặt khác, chính chủ nghĩa thực dân Pháp đang thống trị Việt Nam, cho nên Người quyết chí đến Pháp để trực tiếp xem xét, nghiên cứu. Đến sau này, Người kể lại cho một nhà báo Nga Xô-viết (năm 1923): "Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn náu sau những chữ ấy"[6]. Lần khác, Người trả lời một nhà văn Mỹ: "Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"[7].

Ngày 5/6/1911, từ bến cảng Nhà Rồng, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (bí danh Văn Ba) rời Tổ quốc bắt đầu cuộc hành trình lịch sử đi tìm đường cứu nước trên con tàu Amiran Latusơ Tơrêvin (Amiral Latouche Tréville), mang theo khát vọng cháy bỏng: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu"[8]. Điều này sớm đã thể hiện tư tưởng, ý chí tự lực, tự cường và một khát vọng lớn, mang tầm nhìn thời đại của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

2. Từ khát vọng độc lập dân tộc đến hành trình tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm ra con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

Hành trang tư tưởng khi ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành là chủ nghĩa yêu nước cháy bỏng, là khát vọng độc lập dân tộc với một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo đã giúp Người phân tích, đánh giá chính xác về phong trào yêu nước chống thực dân Pháp giai đoạn cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

Trong khoảng 10 năm (1911 - 1920), Người đã đi qua hàng chục quốc gia, từ các nước tư bản phát triển đến các nước thuộc địa ở châu Phi, châu Mỹ La-tinh. Người vừa phải tìm việc làm để kiếm sống, vừa tự học tập, tìm hiểu tình hình chính trị - xã hội của nước sở tại và các nước tư bản chủ nghĩa khác và tham gia hoạt động yêu nước ở nước ngoài. Đến đâu Người cũng quan sát kỹ lưỡng, so sánh, nhận xét, đi sâu tìm hiểu cuộc sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động, để tìm hiểu sâu về nền văn hóa của các nước tư bản phát triển thời đó và thực chất của nền văn minh dựa trên chế độ người bóc lột người. Người rút ra một số kết luận trong sự phát triển nhận thức của mình: chủ nghĩa tư bản, đế quốc ở đâu cũng tàn bạo, độc ác, bất công; người lao động ở đâu cũng bị áp bức, bóc lột, chà đạp; "...dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"[9]. Điều này đã đặt cơ sở cho phát triển quan điểm đúng đắn của Người về bạn, thù và sớm hình thành tư tưởng kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, về sự đoàn kết cách mạng ở chính quốc với cách mạng thuộc địa. Những kết luận ấy rất gần gũi với những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Bản lĩnh trí tuệ ấy đã nâng cao khả năng tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo khi Người tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Mặt khác, trong những năm ở nước Mỹ và nước Pháp, Người dành nhiều thời gian tìm hiểu về các cuộc cách mạng nổi tiếng thế giới là cách mạng Mỹ (1776) với bản "Tuyên ngôn Độc lập" và cách mạng tư sản Pháp (1789) bản "Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền". Người rất khâm phục tinh thần cách mạng ở những nước này, nhưng không thể đi theo con đường của họ được. Bởi vì, như Người đã nói: "Kách mệnh Mỹ cũng như kách mệnh Pháp là kách

[6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.461.

[7] Báo *Nhân dân*, ngày 18-5-1965.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, H, 1975, tr5-6.

[9] Hồ chí minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.287.

mệnh tư bản, kách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước đoạt công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa"[10]. Bằng nhãn quan chính trị sắc sảo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt trên hẳn tư duy tìm đường cứu nước của các nhà cách mạng tiền bối. Người đã kiên quyết không lựa chọn con đường cách mạng tư sản, bởi theo Người, đó là những cuộc cách mạng "không đến nơi", không triệt để vì nó không hề đề cập đến vấn đề giải phóng mọi tầng lớp nhân dân lao động khỏi sự áp bức, bóc lột, bất công.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga dưới sự lãnh đạo của Lênin và Đảng Bônsêvích đã nổ ra và giành thắng lợi. Cách mạng tháng Mười Nga là cuộc cách mạng vô sản điển hình đầu tiên trên thế giới. Cách mạng tháng Mười Nga là sự hiện thực hóa chủ nghĩa Mác - Lênin hướng tới giải phóng triệt để giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Do đó, sau này khi nói về Cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với số phận các dân tộc phương Đông. Nó đã thức tỉnh các dân tộc bị áp bức ở châu Á, chỉ cho nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc con đường giải phóng, nêu gương tự do dân tộc thực sự"[11].

Trước khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã biết đến Cách mạng Tháng Mười và ủng hộ nó chỉ theo cảm tính tự nhiên; đã biết đến V.I.Lênin và rất kính yêu V.I.Lênin, vì ông là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; đã tham gia Đảng Xã hội Pháp, vì họ đã tỏ sự đồng tình với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Như Người đã viết: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba" . Điều đó cho thấy tuy đã trở thành đảng viên của Đảng Xã hộ Pháp, song Nguyễn Ái Quốc vẫn là một người dân mất nước, đang khao khát đi tìm độc lập, tự do cho dân tộc mình và cho các dân tộc bị áp bức khác.

Tháng 6 năm 1919, khi các nước đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp Hội nghị ở Véc-xây (Versailles) nước Pháp mục đích phân chia lại thế giới, Người đã chớp lấy cơ hội đó để cùng với một số nhà yêu nước khác tại Pháp, gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm 8 tám điểm, tố cáo chính sách của thực dân Pháp và đòi chính phủ Pháp phải thực hiện các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Sự kiện trên đã gây tiếng vang lớn trong thế giới thuộc địa. Bản *Yêu sách* phản ánh nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam nhưng không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc càng nhận rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc với những lời tuyên bố về quyền tự do của các dân tộc chỉ là trò lừa bịp; và Người đã rút ra bài học vô cùng giá trị là: Sự nghiệp giải phóng dân tộc mình chủ yếu phải do dân tộc mình quyết định, phải trông cậy vào lực lượng của chính mình, chứ không phải dựa chủ yếu vào bên ngoài... Qua sự kiện đó càng khẳng định *sự nhạy cảm về chính trị, tính chủ động, khôn khéo, sắc bén trong đấu tranh cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt lên trên tầm nhìn của các nhà chí sĩ yêu nước đương thời;* đồng thời, đánh dấu sự tiếp cận gần hơn chủ nghĩa Mác - Lênin của Người.

Tháng 7 năm 1920, qua báo Nhân đạo (L'Humanité) Pháp, Nguyễn Ái Quốc được đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin. Bản Luận cương của Lênin như luồng ánh sáng mặt trời chiếu rọi, đem đến cho Người một nhãn quan chính trị mới và đã giúp Người giải đáp những vấn đề cơ bản về con đường giải phóng dân tộc mà Người tìm kiếm bấy lâu.

Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin, Người cũng đã thấy rõ mối quan hệ thống nhất giữa cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa: Cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận quan trọng của cách mạng vô sản; cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc sẽ không thể giành được thắng lợi nếu nó không biết liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Lênin đã bổ sung vào khẩu hiệu chiến lược của C.Mác rằng "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại", đã "đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa". Nhờ đó, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và trở lại nghiên cứu chủ nghĩa Mác sâu sắc hơn. Sau này Người viết: "Luận cương của Lênin đã làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đày đọa và đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con

[10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 296.

[11] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.179.

đường giải phóng cho chúng ta. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế ba"[12].

Luận cương của V.I. Lênin tác động mạnh mẽ tạo ra sự biến đổi mang tính chất bước ngoặt, căn bản, về chất trong tư tưởng, tình cảm, quan điểm, lập trường, cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, giúp Người tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản - được coi là con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam. Như một lẽ tự nhiên, rất đơn giản và rõ ràng, sau khi đọc Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I.Lênin, Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, tin theo V.I.Lênin và quyết định lựa chọn con đường Cách mạng Tháng Mười. Thời điểm đánh dấu bước ngoặt quan trọng này là tháng 12 năm 1920. Từ đây, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản, một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và Nguyễn Ái Quốc đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Vậy là, từ hành trình khảo sát, nghiên cứu thực tiễn chính trị và lý luận hằng chục năm ở nhiều nước, Nguyễn Ái Quốc đã đi đến kết luận dứt khoát. "Cách mạng có nhiều thứ", "chủ nghĩa", "học thuyết" cũng có nhiều nhưng chỉ có Cách mạng Tháng Mười Nga là thành công "đến nơi" và Chủ nghĩa Mác-Lênin là "chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất"[13]. Do nhu cầu của cách mạng, Người càng ra sức tìm hiểu và thấu suốt được tinh túy của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam nhằm giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cách mạng Việt Nam đặt ra.

Khác với các nhà trí thức tư sản phương Tây và nhiều nhà cách mạng trên thế giới đến với chủ nghĩa Mác-Lênin Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin là để tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, tức là từ nhu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam, Người tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin theo phương pháp nhận thức mácxit. Người vận dụng sáng tạo lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để hoạch định đường lối, chủ trương, giải pháp và những đối sách phù hợp cho cách mạng Việt Nam.

Nếu như cuộc đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị Véc-xây năm 1919 mới là phát pháo hiệu thức tỉnh nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp, thì việc Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, từ khát vọng độc lập dân tộc đến tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Người đã rút ra một luận điểm hết sức khoa học và cách mạng triệt để: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"[14]. Đây chính là điểm khác biệt căn bản giữa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với những người Việt Nam yêu nước tiền bối.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh, con đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước ở nước ta, dẫn đến sự ra đời các tổ chức cộng sản vào nửa cuối năm 1929 và Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Mùa Xuân năm 1941, sau 30 năm bôn ba ở hải ngoại tìm đường cứu nước, Người đã về nước và cùng với Đảng ta lãnh đạo toàn dân làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 "long trời lở đất", đập tan ách thống trị của chế độ thực dân, phong kiến, lập nên Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - một Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Đi theo con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng đã lựa chọn, cả dân tộc ta đã anh dũng bước vào cuộc các cuộc kháng chiến trường kỳ và vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, "đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ", viết nên trang sử vàng chói lọi của dân tộc bằng Đại thắng mùa Xuân năm 1975, thu giang sơn về một mối, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc: Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. ❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân dân, ngày 18-5-1965.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1975), Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. Đại Việt sử ký toàn thư (1998), tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Đại Việt sử ký toàn thư (1998), tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[12] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.561-562.

[13] Hồ Chí Minh(2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

[14] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.562.